

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 45/2022/HS-ST
Ngày 22-8-2022

**CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Thanh Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn L, sinh ngày 25/7/1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 7, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn L1, sinh năm 1958 và bà Trần Thị M3, sinh năm 1960; có vợ là Lương Thị H3, sinh năm 1987; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/6/2022 đến ngày 21/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Văn G, sinh ngày 25/12/1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V3, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị H4, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị H5, sinh năm 1981; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/6/2022 đến ngày 21/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phạm Văn V, sinh ngày 20/10/1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học

vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T3 (đã chết) và bà Hoàng Thị K2, sinh năm 1957; có vợ là Phạm Thị H3, sinh năm 1985; có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/6/2022 đến ngày 21/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Phạm Văn C, sinh ngày 19/8/1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T5, sinh năm 1950 và bà Hoàng Thị B2, sinh năm 1951; có vợ là Hoàng Thị C2, sinh năm 1984; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/6/2022 đến ngày 21/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn V3, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị H4, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

8. Anh Phạm Văn B, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn H, xã V1, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

10. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 18/6/2022, Đoàn Văn L, Phạm Văn G, Phạm Văn C, Phạm Văn V và nhiều đối tượng khác lần lượt đến nhà bà Phạm Thị H4 ở thôn P, xã Đ, huyện K phụ giúp đám cưới con trai bà H4. Sau đó đến khoảng từ 22 giờ cùng ngày, các đối tượng cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền và chia làm ba chiếu bạc:

Chiếu bạc thứ nhất gồm: Đoàn Văn L, Phạm Văn G, Phạm Văn C, Phạm Văn V tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền tại gian phòng thờ tầng hai nhà bà H4. L lấy 01 đĩa sứ, 01 bộ bài chắn có sẵn trong phòng thờ để đánh bạc. Cách thức đánh bạc quy ước như sau: Người nào được ù xuống thì 03 người còn lại mỗi người phải trả cho người được ù số tiền 30.000 đồng, nếu người được ù có cước sắc thì 03 người còn lại phải trả cho người được ù thêm 10.000 đồng. L dùng 2.640.000 đồng để đánh bạc, G dùng 2.060.000 đồng để đánh bạc, C dùng 900.000 đồng để đánh bạc, V dùng 810.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang đều không biết thắng thua. Tổng số tiền các đối tượng dùng vào đánh bạc là 6.410.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

Chiếu bạc thứ hai gồm: Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Đ1, Phạm Văn Đ, Phạm Thị M tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền tại gian phòng khách tầng một (bên phải) nhà bà H4. Cả nhóm lấy bộ bài tứ lơ khơ có sẵn tại cH để đánh bạc. Cách thức đánh bạc quy ước như sau: Tỷ lệ đánh bạc là 20.000 đồng, 30.000 đồng, 40.000 đồng tương ứng với số tiền người về thứ hai, thứ ba, thứ tư phải trả cho người về nhất, người nào cháy phải trả cho người về nhất số tiền 50.000 đồng, người nào ù thì ba người còn lại mỗi người phải trả cho người ù số tiền 70.000 đồng. Đ1 dùng 200.000 đồng đánh bạc, M dùng 190.000 đồng đánh bạc, Đ dùng 170.000 đồng đánh bạc, H dùng 150.000 đồng đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang đều không biết thắng thua. Tổng số tiền các đối tượng dùng vào đánh bạc là 710.000 đồng (bị thu giữ tại chiếu bạc là 520.000 đồng. M bỏ chạy, đến ngày 19/6/2022 đến C an xã Đ trình diện và giao nộp 190.000 đồng dùng vào đánh bạc).

Chiếu bạc thứ ba gồm: Nguyễn Tiến D1, Phạm Văn B, Phạm Văn T, Nguyễn Văn N tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền tại gian phòng khách tầng 1 (bên trái) nhà bà H4. Cả nhóm lấy bộ bài tứ lơ khơ có sẵn tại cH để đánh bạc. Cách thức đánh bạc quy ước như sau: Tỷ lệ đánh bạc là 20.000 đồng, 40.000 đồng, 60.000 đồng tương ứng với số tiền người về thứ hai, thứ ba, thứ tư phải trả cho người về nhất, người nào cháy phải trả cho người về nhất số tiền 80.000 đồng, người nào ù thì ba người còn lại mỗi người phải trả cho người ù

số tiền 100.000 đồng. D1 dùng 680.000 đồng đánh bạc, B dùng 500.000 đồng đánh bạc, T dùng 400.000 đồng đánh bạc, N dùng 200.000 đồng đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang đều không biết thắng thua. Tổng số tiền các đối tượng dùng vào đánh bạc là 1.780.000 đồng (thu giữ tại chiếu bạc là 1.180.000; ngày 20/6/2022 T đến C an xã Đ trình diện và giao nộp 400.000 đồng; ngày 04/7/2022 N đến C an huyện K trình diện và giao nộp 200.000 đồng).

Trong thời gian các đối tượng đánh bạc ở cả ba chiếu bạc tại nhà bà H4 không phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Cả bọn đánh bạc đến 00 giờ 15 phút ngày 19/6/2022 thì bị Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm: Tại chiếu bạc thứ nhất là số tiền 6.410.000 đồng, 01 đĩa sứ màu trắng và 01 bộ bài chắn. Tại chiếu bạc thứ hai là số tiền 710.000 đồng và 02 bộ bài tứ lơ khơ. Tại chiếu bạc thứ ba là số tiền 1.780.000 đồng và 02 bộ bài tứ lơ khơ. Toàn bộ vật chứng trên, cơ quan điều tra chuyển chi cục thi hành án dân sự huyện K để xử lý theo vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 07/QĐ-VKSKT ngày 11/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Đoàn Văn L, Phạm Văn G, Phạm Văn C, Phạm Văn V đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thống nhất khai nhận tội: Tội ngày 18/6/2022, L, G, C, V và mọi người đến nhà bà H4 để phụ giúp đám cưới con trai bà H4. Sau khi ăn uống xong, đến 23 giờ cùng ngày thì L, G, C, V cùng rủ nhau đi lên gian phòng thờ tầng 2 nhà bà H4 đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền. L lấy 01 đĩa sứ và 01 bộ bài chắn có sẵn tại phòng thờ để đánh bạc. L dùng 2.640.000 đồng đánh bạc, G dùng 2.060.000 đồng đánh bạc, C dùng 900.000 đồng đánh bạc, V dùng 810.000 đồng đánh bạc, đều không biết thắng thua. Trong khi đánh bạc không phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đến 00 giờ 15 phút ngày 19/6/2022 bị bắt giữ cùng vật chứng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Đ1, Phạm Văn Đ, Phạm Thị M thống nhất khai: Tội ngày 18/6/2022, H, Đ1, Đ, M đến nhà bà H4 để phụ giúp đám cưới cho con trai bà H4. Đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày thì cả nhóm cùng rủ nhau vào gian phòng khách tầng 1 (bên phải) nhà bà H4 đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền và lấy bộ bài tứ lơ khơ có sẵn tại chiếu để đánh bạc. Đ1 dùng 200.000 đồng đánh bạc, M dùng 190.000 đồng đánh bạc, Đ dùng 170.000 đồng đánh bạc, H dùng 150.000 đồng đánh bạc, đều không

biết thắng thua. Trong khi đánh bạc, không phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đến 00 giờ 15 phút ngày 19/6/2022 bị bắt giữ cùng vật chứng. M bỏ chạy, đến ngày 19/6/2022 đến C an xã Đ trình diện và giao nộp số tiền 190.000 đồng dùng vào đánh bạc.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Tiến D1, Phạm Văn B, Phạm Văn T, Nguyễn Văn N thống nhất khai: Tối ngày 18/6/2022, D1, B, T, N đến nhà bà H4 để phụ giúp đám cưới cho con trai bà H4. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày thì cả nhóm cùng rủ nhau vào gian phòng khách tầng 1 (bên trái) nhà bà H4 đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền và lấy 01 bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại cH để đánh bạc. D1 dùng 680.000 đồng đánh bạc, B dùng 500.000 đồng đánh bạc, T dùng 400.000 đồng đánh bạc, N dùng 200.000 đồng đánh bạc, đều không biết thắng thua. Trong khi đánh bạc, không phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đến 00 giờ 15 phút ngày 19/6/2022 bị bắt giữ cùng vật chứng. B, T, N bỏ chạy, sau đó đến C an xã Đ và C an huyện K trình diện khai báo và giao nộp số tiền tham gia đánh bạc.

Tại cơ quan điều tra, ông Phạm Văn V3 và bà Phạm Thị H4 khai: Tối ngày 18/6/2022, gia đình ông bà chuẩn bị tổ chức đám cưới cho con trai vào ngày 19/6/2022, nên có mời anh em con cháu đến giúp. Sau khi ăn uống xong, gia đình ông bà tập trung dọn dẹp, chuẩn bị rạp cưới. Khi các đối tượng rủ nhau đánh bạc tại gian phòng thờ và tại phòng khách của gia đình nhà ông bà thì không ai biết, 01 bộ bài chắn và 01 đĩa sù, 04 bộ bài tú lơ khơ là của gia đình mua từ trước để mọi người đến chơi vui. Nay gia đình ông bà không có yêu cầu gì, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau quá trình xét hỏi, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như Quyết định truy tố và đề nghị Tòa án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

+ Đoàn Văn L mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Phạm Văn G mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Trừ cho mỗi bị cáo 02 ngày bị tạm giữ (từ ngày 19/6/2022 đến ngày 21/6/2022). Khấu trừ thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo từ 5% - 10% để sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; phạt tiền:

+ Phạm Văn C từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Phạm Văn V từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 8.900.000 đồng của các bị cáo và một số đối tượng dùng vào đánh bạc để sung ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bộ bài chắn và 04 bộ bài tú lơ khơ.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 23 giờ ngày 18/6/2022, Đoàn Văn L, Phạm Văn G, Phạm Văn C, Phạm Văn V đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền tại gian phòng thờ tầng 2 nhà bà H4 với tổng số tiền là 6.410.000 đồng bị bắt quả tang cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của Đoàn Văn L, Phạm Văn G, Phạm Văn C, Phạm Văn V đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân, là điều kiện, nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo đều thống nhất rủ nhau cùng đánh bạc được thua bằng tiền. Bị cáo L lấy đĩa sứ và 01 bộ bài chắn, tham gia đánh bạc tích cực, dùng số tiền 2.640.000 đồng đánh bạc nhiều nhất nên L phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác, cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo đã tham gia trong quân đội, có bố đẻ tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc được hưởng trợ cấp một lần; gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo G, C, V đều tham gia đánh bạc tích cực, G dùng số tiền 2.060.000 đồng đánh bạc, C dùng số tiền 900.000 đồng đánh bạc, V dùng 810.000 đồng đánh bạc, cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đều có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo C có bố đẻ tham gia kháng chiến chống Mỹ được hưởng trợ cấp một lần, có mẹ đẻ tham gia thanh niên xung phong; bị cáo V có bố đẻ tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng Huy hiệu Chiến sỹ Trường Sơn; gia đình các bị cáo đều có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Đối với các bị cáo bị khấu trừ thu nhập và hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo L, G khai nhận có thu nhập kinh tế ổn định hàng tháng là 4.000.000 đồng/tháng; phù hợp với các tài liệu xác minh tại địa phương, cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với ngôi nhà của gia đình bà Phạm Thị H4 mà các bị cáo và một số đối tượng sử dụng đánh bạc thuộc quyền sở hữu chung của gia đình bà H4. Khi các bị cáo đánh bạc thì gia đình bà H4 không biết nên không đặt ra tịch thu tài sản để sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu số tiền 8.900.000 đồng của các bị cáo và các đối tượng dùng vào đánh bạc để sung ngân sách Nhà nước.

- 01 bộ bài chắn, 04 bộ bài tứ lơ khơ và 01 đĩa sứ màu trắng; cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này, Phạm Thị M, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Trung H, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Tiến D1, Phạm Văn B, Nguyễn Văn N có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền tại chiếu bạc thứ hai, thứ ba, số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, nhân thân các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc nên Công an huyện K đã quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc là phù hợp. Đối với ông Phạm Văn V3 và bà Phạm Thị H4 là chủ nhà không biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình bị bắt quả tang nên không bị xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

+ Đoàn Văn L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 02 ngày bị tạm giữ (từ ngày 19/6/2022 đến ngày 21/6/2022) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 24 (hai mươi tư) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Phạm Văn G 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 02 ngày bị tạm giữ (từ ngày 19/6/2022 đến ngày 21/6/2022) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 24 (hai mươi tư) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Đoàn Văn L tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Phạm Văn G tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo G cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau: Người

chấp hành án cải tạo không giam giữ có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với C an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc C an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người chấp hành án cải tạo không giam giữ không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; phạt tiền:

+ Phạm Văn C 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

+ Phạm Văn V 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Đoàn Văn L với thời gian 18 tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Phạm Văn G với thời gian 15 tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 8.900.000đ (tám triệu chín trăm nghìn đồng) của các bị cáo và các đối tượng dùng vào đánh bạc để sung ngân sách Nhà nước (theo ủy nhiệm chi tại kho bạc nhà nước huyện K ngày 16/8/2022).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bộ bài chắn có 100 quân bài, 04 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân bài (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa pH5.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- THA phạt tù + PC 10 + PV 06;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường H, quận D;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền